

Bản án số: 122 /2025/HSST
Ngày 24/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân Bà Trịnh Hồng Hạnh

Bà Phạm Thị Ngọc Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Phượng - Thư ký Tòa án nhân Khu vực 1- Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2025/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 đối với:

Bị cáo: Phạm Thị T sinh năm 1974 tại Ninh Bình; nơi ĐKNKTT: Số B, đường Đ, phường H, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: ngách C, ngõ F, phố M, phường H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân C và bà Nguyễn Thị X; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp “cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 67/2025/LCCT -TA ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Hoàng Thị Lan A, sinh năm 1982; trú tại: thôn H, phường H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- Chị Quan Thị L, sinh năm 1974; trú tại: phố V, phường H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- Chị Trương Thị X1, sinh năm 1976; trú tại: phố T, phường H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1983; trú tại: phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- Chị Trương Thị H1, sinh năm 1986; trú tại: khu phố I, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1995; trú tại: số B, đường N, phố Đ, phường H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau:

Phạm Thị T không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng nhưng T đã cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất cao hơn 05 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 trong Bộ luật dân sự năm 2015, nhằm thu lợi bất chính. Phạm Thị T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, lắp sim số 0968.323.510 và tài khoản mạng xã hội Zalo có tên “Phạm Thị T1” để liên lạc thỏa thuận các khoản vay, tiền lãi, cách thức trả lãi với người vay. Sau đó T đưa tiền mặt cho người vay, người vay thanh toán tiền lãi và tiền gốc, tiền phạt nộp lãi chậm, khoản thu trái pháp luật khác bằng đưa tiền mặt đưa cho T hoặc Tươi nhờ chuyển qua tài khoản ngân hàng của người khác cụ thể:

- Đối với chị Hoàng Thị Lan A, sinh năm 1982, trú tại thôn H, phường H, tỉnh Ninh Bình. Từ tháng 02/2025 đến tháng 05/2005 T đã cho chị Lan A vay 04 lần, cụ thể:

+ Ngày 18/02/2025, T cho chị Hoàng Thị Lan A1 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 7.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, mỗi tháng chị Lan A1 phải trả cho T 2.100.000 đồng tiền lãi nhưng T chỉ lấy lãi 2.000.000 đồng một tháng tương đương mức lãi suất 243%/ năm. Tươi quy định ngày 18 hàng tháng là ngày đóng tiền lãi. Tươi thu trước tiền lãi một tháng là 2.000.000 đồng và thu 400.000 đồng tiền công; T chuyển tiền mặt cho chị Lan A1 số tiền 7.600.000đ. Ngày 18/3/2025 chị Lan A1 đến nhà T thanh toán 2.000.000 đồng tiền lãi tháng tiếp theo, đến ngày 18/04/2025, chị Lan A1 đã trả cho T tiền gốc 10.000.000 đồng. Tổng tiền lãi chị Lan A1 trả cho T trong 02 tháng là 4.000.000 đồng; tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 328.767 đồng; số tiền T đã thu lợi bất chính là 3.671.233 đồng và 400.000 đồng tiền công. Tổng số tiền T chiếm hưởng trái phép trong lần cho vay này là 4.071.233 đồng.

+ Ngày 20/03/2025, T cho chị Lan A1 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận giống như vay lần trước, mỗi tháng chị Lan A1 phải trả lãi cho T số tiền 4.000.000 đồng tương đương mức lãi suất 243%/ năm. Tươi thu tiền lãi trước 1 tháng là 4.000.000 đồng và thu 1.000.000 đồng tiền công. Tươi đưa cho Lan A1 số tiền 15.000.000 đồng bằng tiền mặt. Đến ngày 21/04/2025, chị Lan A1 thanh toán cho T 4.000.000 đồng tiền lãi tháng tiếp theo và 500.000 đồng tiền phạt nộp lãi chậm và chị Lan A1 đóng trước 1.000.000 đồng tiền lãi vay của tháng tiếp theo. Ngày 24/05/2025, chị Lan A1 thanh toán Tươi 3.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi chị Lan A1 trả cho T trong 03 tháng là 12.000.000 đồng,

trong đó tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 986.301 đồng. T đã thu lợi bất chính ở khoản vay này là 11.013.699 đồng và 1.000.000 đồng là tiền công; 500.000 đồng tiền phạt nộp lãi chậm. Tổng số tiền T chiếm hưởng trái phép tại khoản vay này là 12.513.699 đồng.

+ Ngày 21/04/2025, T cho chị Lan A1 vay số tiền 10.000.000 đồng lãi suất thoả thuận giống như lần vay trước, mỗi tháng chị Lan A1 phải trả cho T số tiền 2.000.000 đồng đương mức lãi suất 243%/ năm. Tươi thu tiền lãi trước 1 tháng là 2.000.000 đồng và thu 500.000 đồng tiền công, chị Lan A1 đóng trước lãi vay của khoản vay ngày 20/3/2025 số tiền 5.000.000 đồng và 500.000 đồng tiền phạt nộp chậm lãi của khoản vay ngày 20/3/2025. Lần vay này Lan A1 thực nhận từ Tươi số tiền 2.000.000 đồng. Đến ngày 21/4/2025, chị Lan A1 đóng 4.000.000 đồng tiền lãi tháng tiếp theo và 500.000 đồng tiền phạt nộp lãi chậm và chị Lan A1 xin đóng trước 1.000.000 đồng tiền lãi vay của tháng tiếp theo. Ngày 24/05/2025, chị Lan A1 thanh toán cho T 2.000.000 đồng tiền lãi tháng tiếp. Tổng số tiền lãi chị Lan A1 trả cho T trong 02 tháng vay là 4.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 328.767 đồng, số tiền T đã thu lợi bất chính 3.671.233 đồng cùng với 500.000 đồng là tiền công của khoản vay. Tổng số tiền T chiếm hưởng trái phép từ kho vay này là 4.171.233 đồng.

+ Ngày 17/03/2025, T cho chị Lan A1 vay số tiền 5.000.000 đồng, thoả thuận giống như lần vay trước, mỗi tháng chị Lan A1 phải trả cho T số tiền 1.000.000 đồng là tiền lãi tương đương mức lãi suất 243%/ năm. Tươi thu tiền lãi trước 1 tháng là 1.000.000 đồng. Đến ngày 20/04/2025, chị Lan A1 thanh toán cho Tươi 1.000.000 đồng tiền lãi tháng tiếp theo, ngày 20/05/2025 chị Lan A1 thanh toán 1.000.000 đồng tiền lãi tháng tiếp theo. Tổng số tiền lãi chị Lan A1 trả cho T trong 03 tháng là 3.000.000 đồng, số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 246.575 đồng. T đã thu lợi bất chính từ khoản vay này của chị Lan A1 là 2.753.425 đồng.

Sau 04 lần vay tiền, tổng số tiền gốc Tươi đã cho chị Lan A1 vay là 45.000.000 đồng và trả tổng số tiền lãi chị Lan A1 đã trả cho T là 23.000.000 đồng, trong đó tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.890.411 đồng, số tiền T đã thu lợi bất chính là 21.109.589 đồng cùng với số tiền 2.400.000 đồng từ các khoản thu trái pháp luật khác. Tổng số tiền T đã chiếm hưởng trái phép của chị Lan A1 là 23.509.589 đồng.

- **Đối với chị Quan Thị L**, sinh năm 1974, trú tại phố V, phường H, tỉnh Ninh Bình; Tươi đã cho chị L vay 2 lần:.

+, Ngày 17/03/2025, T cho chị Quan Thị L vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất thoả thuận là 7.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, mỗi tháng chị L phải cho T số tiền 2.100.000 đồng tiền lãi nhưng T lấy 2.000.000 đồng tương đương mức lãi suất 243%/ năm. Tươi thu tiền là trước 1 tháng là 2.000.000 đồng và thu 500.000 đồng tiền công nên T đưa cho Lan A1 số tiền 7.500.000 đồng bằng tiền mặt. Đến ngày 31/03/2025, L muốn thanh toán tiền lãi tháng tiếp theo

để vay thêm khoản vay mới nên đã sử dụng tài khoản Ngân hàng số 4730103732 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B) của mình để chuyển khoản số tiền 950.000 đồng là tiền lãi vay từ ngày 17/03/2025 đến ngày 31/03/2025 tới số tài khoản ngân hàng 1010169889999 Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (M) của chị Bùi Thị N, sinh năm 1996, cư trú tại phố V, phường H, tỉnh Ninh Bình là con gái T, nhưng T không đồng ý và nói lại với L vay 1 ngày hay 30 ngày đều tính tiền lãi là một tháng nên đã chuyển khoản trả lại cho L số tiền 950.000 đồng. Số tiền lãi chị L trả cho T trong 01 tháng vay là 2.000.000 đồng, lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 328.767 đồng. T đã thu lợi bất chính số tiền 1.835.616 đồng và 500.000 đồng là tiền công của khoản vay. Tổng số tiền T chiếm hưởng trái phép từ khoản vay này của chị L là 2.335.616 đồng.

+ Ngày 31/03/2025 chị L hỏi vay Tươi thêm số tiền 10.000.000 đồng. T đồng ý và thống nhất gộp cả số tiền 10.000.000đ vay ngày 17/03/2025 thành gói vay mới với tổng số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận giống như lần vay trước, mỗi tháng chị L phải trả cho T số tiền 4.000.000 đồng tiền lãi tương đương mức lãi suất 243%/ năm. Liều thanh toán 2.000.000 đồng tiền mặt để đóng tiền lãi cho T và T trừ luôn tiền lãi là 2.000.000 đồng và thu 500.000 đồng tiền công và đưa cho L số tiền 7.500.000 đồng bằng tiền mặt. Đến ngày 21/04/2025, chị L xuống nhà Tươi đồng 4.000.000 đồng tiền lãi tháng tiếp theo; do chậm đóng tiền lãi nên T phạt chị L số tiền 500.000 đồng, do không mang đủ tiền mặt nên L đã xin để nộp sau, đến ngày 22/05/2025 chị L sử dụng ngân hàng B số 4730103732 của L để chuyển khoản tiền phạt nộp lãi chậm của khoản vay trên đến tài khoản Ngân hàng N2 (A2) số 3300205141747 của Nguyễn Anh Đ sinh năm 1976, trú tại phường H, tỉnh Ninh Bình là bạn của T số tiền 500.000 đồng, Đ sau đó đã rút tiền mặt đưa lại cho T. Số tiền lãi chị L trả cho T trong 02 tháng vay là 8.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 657.534 đồng, số tiền T đã thu lợi bất chính là 7.342.466 đồng cùng với 500.000 đồng là tiền công của khoản vay và 500.000 đồng tiền phạt nộp chậm. Tổng số tiền T chiếm hưởng trái phép từ khoản vay này của chị L là 8.302.466 đồng.

Tổng 2 lần vay Tươi đã cho chị L vay là 20.000.000 đồng, L đã trả tổng số tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 821.918 đồng, số tiền T đã thu lợi bất chính là 9.178.082 đồng cùng với số tiền 1.500.000 đồng từ các khoản thu trái pháp luật khác. Tổng số tiền T đã chiếm hưởng trái phép của chị L là 10.678.082 đồng.

- Đối với chị Trương Thị X1, sinh năm 1976 trú tại phố T, phường H, tỉnh Ninh Bình. Ngày 17/6/2025 Tươi cho chị X1 vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 7.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày nhưng T lấy mỗi tháng chị X1 phải trả lãi cho T 1.000.000đ tương đương mức lãi suất 243%/ năm. Tươi thu tiền lãi trước 1 tháng là 1.000.000 đồng, đến ngày 20/04/2025, chị X1 đưa cho chị Lan A1 1.000.000 đồng tiền mặt để nhờ thanh toán cho Tươi tiền lãi hộ

X1. Đến ngày 20/05/2025 chị X1 đã trả cho T 5.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền lãi chị X1 trả cho T trong 02 tháng vay là 2.000.000 đồng, trong đó tiền lãi tối đa 20% theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 164.384 đồng. T đã thu lợi bất chính từ khoản cho chị X1 vay là 1.835.616 đồng.

- Đối với anh Lê Mạnh H, sinh năm 1983 trú tại Phố N, phường T, Ninh Bình. Ngày 24/04/2025, T cho anh H vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 7.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày nhưng T lấy tròn mỗi tháng anh H phải trả lãi cho T số tiền 3.000.000 đồng tương đương mức lãi suất 243%/năm. Tươi thu tiền lãi trước 1 tháng là 3.000.000 đồng và thu 1.000.000 đồng tiền công của khoản vay và đưa cho anh H số tiền 11.000.000 đồng. Đến ngày 15/05/2025, H liên lạc với T qua ứng dụng zalo để thanh toán tiền lãi trước hạn, T đồng ý sau đó gửi số tài khoản 1010169889999 Ngân hàng M1 của chị Bùi Thị N để H chuyển tiền lãi vào, do H không sử dụng số tài khoản ngân hàng nên H đã đi ra quán tạp hóa nhà chị Giang Ngọc H2, sinh năm 1978, trú tại tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình để nhờ chị H2 chuyển khoản hộ số tiền 3.000.000 đồng tiền lãi vào tài khoản trên. Số tiền lãi anh H trả cho T trong 02 tháng vay là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi tối đa 20% theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 493,151 đồng. T đã thu lợi bất chính từ khoản vay của anh H là 5.506.849 đồng và số tiền 1.000.000 đồng từ khoản thu trái pháp luật khác. Như vậy, tổng số tiền T đã chiếm hưởng trái phép của anh H là 6.506.849 đồng.

- Đối với chị Trương Thanh H3, sinh năm 1986, trú tại số nhà E, ngõ D, đường N, phố Đ, phường N, TP H, tỉnh Ninh Bình; ngày 26/03/2025, T cho chị H3 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 7.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày nhưng T lấy tròn mỗi tháng chị H3 phải trả lãi cho Tươi 2.000.000 đồng tương đương mức lãi suất 243%/năm. Tươi thu tiền lãi trước 1 tháng 2.000.000 đồng và thu 500.000 đồng tiền công và đưa cho chị Hằng số tiền 7.500.000 đồng. Đến 26/04/2025, T đi cùng chị Hoàng Thị Lan A đến nhà chị H3 để trả lãi 2.000.000 đồng cho T. Số tiền lãi chị H3 trả cho T trong 02 tháng vay là 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi tối đa 20% theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 328.767 đồng. T đã thu lợi bất chính của chị H3 là 3.671.233 đồng cùng với số tiền 500.000 đồng từ khoản thu trái pháp luật khác. Tổng số tiền T đã chiếm hưởng trái phép của chị H3 là 4.171.233 đồng.

- Đối với chị Nguyễn Như Q, sinh năm 1995 trú tại số B, đường N, phố Đ, phường H, tỉnh Ninh Bình. ngày 07/05/2025, T cho chị Q vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 7.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, nhưng T lấy tròn mỗi tháng 4.000.000 đồng tiền lãi tương đương mức lãi suất 243%/năm. Tươi thu lãi trước 1 tháng là 4.000.000 đồng và thu 1.000.000 đồng tiền công và đưa cho chị Q số tiền 15.000.000 đồng. Chị Q trả lãi 1 tháng cho T là 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 328.767 đồng. T đã thu lợi bất chính từ khoản vay của chị Q là 3.671.233 đồng và 1.000.000 đồng từ khoản thu trái pháp luật khác. Tổng số tiền T đã chiếm hưởng trái phép của chị Q là 4.671.233 đồng.

Như vậy, Phạm Thị T đã cho chị Hoàng Thị Lan A, chị Quan Thị L, chị Trương Thị X1, anh Lê Mạnh H, chị Trương Thanh H3 và chị Nguyễn Như Q vay tổng số tiền 115.000.000đ với lãi suất 243%/năm cao gấp 12,15 lần mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. T đã thu lợi bất chính số tiền là 44.972.603 đồng và 6.400.000 đồng từ các khoản thu trái pháp luật khác. Tổng số tiền Phạm Thị T thu lợi bất chính là 51.372.603 đồng.

Ngày 26/5/2025 hành vi cho vay nặng lãi của Phạm Thị T bị phát hiện. Quá trình điều tra, Phạm Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp 01 chiếc điện thoại đi động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, lắp 01 sim số thuê bao 0968323510 và 09 giấy biên nhận vay tiền của những người liên quan gồm: 01 giấy biên nhận đề ngày 17/3/2025 mang tên Trương Thị X1 số tiền vay là 10.000.000 đồng; 02 giấy biên nhận mang tên Quan Thị L đề ngày 17/3/2025 vay số tiền 10.000.000 đồng và giấy đề ngày 31/3/2025 vay số tiền 20.000.000 đồng;; 01 giấy vay tiền đề ngày 24/4/2025 mang tên Lê Mạnh H vay số tiền 15.000.000 đồng;; 01 giấy biên nhận đề ngày 26/3/2025 mang tên Trương Thanh H3 vay số tiền 10.000.000 đồng; 01 giấy vay tiền mang đề ngày 07/5/2025 tên Nguyễn Thị Như Q vay số tiền 20.000.000 đồng; 03 giấy biên nhận mang tên Hoàng Thị Lan A đề ngày 18/02/2025 vay số tiền 10.000.000 đồng, giấy vay tiền đề ngày 20/03/2025 vay số tiền 20.000.000 đồng, giấy vay tiền đề ngày 21/4/2025 vay số tiền 10.000.000 đồng. 09 giấy biên nhận vay tiền thu giữ của Phạm Thị T, quá trình điều tra xác định đây là các giấy tờ của những người liên quan tự viết thể hiện việc vay tiền giữa Phạm Thị T và người liên quan, do vậy được chuyển theo hồ sơ để giải quyết cùng vụ án.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS-KV1 ngày 9/9/20025 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Ninh Bình đã truy tố Phạm Thị T tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1, khoản 3 - Điều 201 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Ninh Bình thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị:

Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 - Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh N nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Thị T cho UBND phường H, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Phạm Thị T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Bị cáo từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ.

Về biện pháp tư pháp: điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điểm a, b khoản 2 - Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; 468 Bộ luật Dân. khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Buộc bị cáo Phạm Thị T phải trả cho những người liên quan cụ thể:

- + Trả cho chị Hoàng Thị Lan A số tiền 23.509.000 đồng.
- + Trả cho chị Quan Thị L số tiền 9.172.000 đồng.
- + Trả cho Chị Trương Thị X1 số tiền 1.835.000 đồng.
- + Trả cho anh Lê Mạnh H số tiền 6.506.000 đồng.
- + Trả cho chị Trương Thị H1 4.171.000 đồng.
- + Trả cho chị Nguyễn Như Q 4.671.000 đồng.

- Truy thu của bị cáo Phạm Thị T và những người liên quan để sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- + Truy thu của bị cáo Phạm Thị T số tiền 25.427.397 đồng
- + Truy thu của chị Quan Thị L số tiền 20.000.000 đồng
- + Truy thu của Lê Mạnh H số tiền 15.000.000 đồng
- + Truy thu của Trương Thị Hằng số tiền 10.000.000 đồng
- + Truy thu của Nguyễn Như Q số tiền 20.000.000 đồng

- Tịch thu hóa giá sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X thu giữ của bị cáo Phạm Thị T.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại thu của Phạm Thị T.

Án phí: Bị cáo Phạm Thị T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh N, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Ninh Bình, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng, không oan. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 18/2/2025 đến ngày 7/5/2025 Phạm Thị T đã có hành vi:

- Cho chị Hoàng Thị Lan A vay 4 lần với tổng số tiền 45.000.000đ thỏa thuận với lãi suất 243%/ năm, gấp 12,15 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, để thu lợi bất chính số tiền 21.109.589đ và 2.400.000đ tiền thu trái pháp luật.

- Cho chị Quan Thị L vay 2 lần với tổng số tiền 20.000.000đ thỏa thuận lãi suất 243%/năm, gấp 12,15 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, để thu lợi bất chính số tiền 9.175.799đ và 1.500.000đ tiền thu trái pháp luật.

- Cho chị Trương Thị X1 vay số tiền 5.000.000đ thỏa thuận lãi suất 243%/năm, gấp 12,15 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, để thu lợi bất chính số tiền 1.835.616 đồng.

- Cho anh Lê Mạnh H vay số tiền 15.000.000đ với lãi suất 243%/năm gấp 12,15 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, để thu lợi bất chính số tiền 5.506.849đ và 500.000đ tiền thu trái pháp luật.

- Cho chị Trương Thanh H3 vay số tiền 10.000.000đ thỏa thuận lãi suất 243%/năm, gấp 12,15 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 3.671.233đ và 500.000đ tiền thu trái pháp luật.

- Cho chị Nguyễn Như Q vay số tiền 20.000.000đ thỏa thuận lãi suất 243%/năm, gấp 12,15 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, để thu lợi bất chính số tiền 3.671.233đ và 1.000.000đ tiền thu trái pháp luật.

Phạm Thị T đã cho 6 người vay tổng số tiền là 115.000.000đ thỏa thuận mức lãi suất 243%/năm, gấp 12,15 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, để thu lợi bất chính tổng số tiền 44.972.603 đồng và 6.400.000 đồng các khoản thu trái pháp luật khác. Tổng số tiền Phạm Thị T thu lợi bất chính là 51.372.603 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh

tiền tệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi nhận thức rõ được việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích thu lợi bất chính số tiền 51.372.603đ. Do vậy hành vi của bị cáo Phạm Thị T đã phạm vào tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201: Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm..

Bản cáo trạng số 15/CT – VKS-KV1 ngày 9/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Ninh Bình truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng
- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bố bị cáo được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Hành vi của Phạm Thị T đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước gây mất trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, chỉ vì háms lợi, muốn có lợi nhuận cao nên bị cáo đã cho 6 người vay tiền lấy lãi cao 12,15 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự và Ngân hàng N3. Trong thời điểm hiện nay loại tội phạm liên quan đến hoạt động tín dụng đen đang có nhiều diễn biến phức tạp là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm nghiêm trọng khác nên cần xử lý nghiêm minh để kịp thời đấu tranh ngăn chặn đẩy lùi loại tội phạm này trong xã hội. Căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa, áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ, khấu trừ một phần thu nhập trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để giáo dục bị cáo răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 – Điều 201 phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để sung ngân sách Nhà nước

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng

- Đối với số tiền 51.370.320 đồng Phạm Thị Tươi thu lợi bất chính của những người liên quan. Căn cứ khoản 2 – Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự.

Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao buộc bị cáo Phạm Thị T phải trả cho những người liên quan cụ thể:

- + Trả cho chị Hoàng Thị Lan A số tiền 23.509.589đ làm tròn là 23.509.000đ (hai mươi ba triệu năm trăm linh chín nghìn đồng).

- + Trả cho chị Quan Thị L số tiền 10.675.799 đồng làm tròn 10.675.000đ (mười triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- + Trả cho Chị Trương Thị X1 số tiền 1.835.616đ làm tròn 1.835.000đ (một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- + Trả cho anh Lê Mạnh H số tiền 6.506.849đ làm tròn 6.506.000đ (Sáu triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng).

- + Trả cho chị Trương Thị Hằng S tiền 4.171.233 đồng làm tròn 4.171.000đ (bốn triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng).

- + Trả cho chị Nguyễn Như Q số tiền 4.671.233 đồng làm tròn 4.671.000đ (bốn triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng).

- Đối với số tiền gốc 115.000.000 đồng bị cáo Phạm Thị T sử dụng để cho vay lãi nặng đây là công cụ, phương tiện bị cáo, người liên quan dùng vào việc phạm tội. Hiện nay số tiền này đang do bị cáo Phạm Thị T và những người liên quan đang quản lý và số tiền lãi theo quy định của pháp luật tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 4.029.680 đồng Tươi đã thu của những người liên quan là tiền do phạm tội mà có. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47. Điểm a, b khoản 2 – Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần truy thu của bị cáo Phạm Thị T và những người liên quan để sung ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

- + Truy thu của bị cáo Phạm Thị T số tiền 4.029.680 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi xuất theo quy định của pháp luật và 15.000.000đ tiền gốc cho Hoàng Thị Lan A và chị Trương Thị X1 đã trả cho T. Tổng số tiền truy thu của bị cáo Phạm Thị T là 19.029.680đ làm tròn 19.029.000đ (mười chín triệu không trăm hai chín nghìn đồng).

- + Truy thu của chị Quan Thị L 20.000.000đ tiền gốc vay của Phạm Thị T, L chưa trả.

- + Truy thu của Lê Mạnh H 15.000.000đ tiền gốc vay của Phạm Thị Tươi H4 chưa trả.

- + Truy thu của Trương Thị H1 10.000.000đ tiền gốc vay của Phạm Thị T chưa trả.

- + Truy thu của Nguyễn Như Q 20.000.000đ tiền gốc vay của Phạm Thị T chưa trả.

- Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo Phạm Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng lắp 01 sim số thuê bao 0968323510 bị cáo T sử dụng để liên lạc với những người liên quan trao đổi

trong quá trình thực hiện tội phạm là công cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch hóa giá thu sung Ngân sách Nhà nước.

[6] Quá trình điều tra xác định chị Bùi Thị N, sinh năm 1996, cư trú tại phố V, phường H, tỉnh Ninh Bình là con gái ruột của Phạm Thị T vào ngày 30/03/2025 và 15/05/2025 T có nhờ tài khoản ngân hàng M số 1010169889999 của chị N để chị L và anh H chuyển khoản tiền lãi, chị N không biết mục đích T mượn tài khoản ngân hàng của mình để chuyển nhờ tiền và không biết số tiền chị L, anh H chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của mình là tiền lãi do T cho vay lãi nặng mà có. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với chị Bùi Thị N là có căn cứ.

Quá trình điều tra xác định anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1976 trú tại phường H, tỉnh Ninh Bình là bạn của Phạm Thị T, vào ngày 22/05/2025 T có nhờ tài khoản ngân hàng A2 số 3300205141747 của Đại để L chuyển tiền nộp phạt chậm trả tiền lãi, anh Đ không biết mục đích T mượn tài khoản ngân hàng của mình để chuyển nhờ tiền và không biết số tiền L chuyển vào tài khoản ngân hàng của mình là tiền lãi do T cho vay lãi nặng mà có. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với anh Nguyễn Anh Đ là có căn cứ.

Chị Giang Ngọc H2, sinh năm 1978 trú tại tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình vào ngày 15/05/2025 Lê Mạnh H có nhờ chị H2 chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của chị Bùi Thị N để đóng tiền lãi hàng tháng cho Phạm Thị T, chị H2 không biết mục đích anh H nhờ chuyển tiền và không biết nguồn gốc số tiền anh H chuyển. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với chị Giang Ngọc H2 là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản , khoản 2 - Điều 51; Điều 36, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điểm a, b khoản 2 - Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; 468 Bộ luật Dân. Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị T 9 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh N nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Thị T cho UBND phường H, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia

đình bị cáo Phạm Thị T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: Bị cáo Phạm Thị T 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Phạm Thị T phải trả cho những người liên quan cụ thể:
 - + Trả cho chị Hoàng Thị Lan A số tiền 23.509.000đ (hai mươi ba triệu năm trăm linh chín nghìn đồng).
 - + Trả cho chị Quan Thị L số tiền 10.675.000đ (mười triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).
 - + Trả cho Chị Trương Thị X1 số tiền 1.835.000đ (một triệu tám trăm ba lăm nghìn đồng).
 - + Trả cho anh Lê Mạnh H số tiền 6.506.000đ (Sáu triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng).
 - + Trả cho chị Trương Thị H1 4.171.000đ (bốn triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn đồng).
 - + Trả cho chị Nguyễn Như Q 4.671.000đ (bốn triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng).
- Truy thu của bị cáo Phạm Thị T và những người liên quan số tiền 119.029.000đ (một trăm mười chín triệu không trăm hai mươi chín nghìn) để sung ngân sách Nhà nước. Cụ thể:
 - + Truy thu của bị cáo Phạm Thị T số tiền 19.029.000đ (mười chín triệu không trăm hai mươi chín nghìn đồng).
 - + Truy thu của chị Quan Thị L số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).
 - + Truy thu của Lê Mạnh H số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).
 - + Truy thu của Trương Thị Hằng số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).
 - + Truy thu của Nguyễn Như Q số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

4. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu hóa giá sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X thu giữ của bị cáo Phạm Thị T
- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại thu của Phạm Thị T.

(Chi tiết vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/9/2025 giữa Công an tỉnh N và Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 – Ninh Bình).

5. Án phí: Bị cáo Phạm Thị T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Hồng Hạnh Phạm Thị Ngọc N1

Nguyễn Thị H5

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND Khu vực 1 - Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- Công an tỉnh Ninh Bình
- Phòng THA Khu vực 1 - Ninh Bình
- Bị cáo (1);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoa

